

HOÀN THÀNH DỰ ÁN TU BỒ, BẢO TỒN VÀ TÔN TẠO DI TÍCH CHÙA THIÊN MỤ TẠI THỪA THIÊN - HUẾ

TS. TRẦN MINH ĐỨC
Viện KHCN Xây dựng

Giới thiệu

Chùa Thiên Mụ (còn gọi là Linh Mụ) tọa lạc trên đồi Hà Khê thuộc làng An Ninh Thượng, phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Theo các sử liệu, từ giữa thế kỷ XVI đã có chùa, nhưng Thiên Mụ chỉ thực sự trở thành một ngôi chùa lớn từ khi chúa Nguyễn Hoàng cho xây dựng lại vào năm Tân Sửu (1601). Từ đây chùa trở thành quốc tự của xứ Đàng Trong gắn liền cùng huyền thoại bà Tiên báo mộng để chân chúa dựng chùa “bồi tụ linh khí, củng cố long mạch” cho vùng đất đế đô. Trong suốt mấy trăm năm sau đó, chùa Thiên Mụ được các chúa và vua nhà Nguyễn rất quan tâm và thường xuyên tu bổ, mở rộng quy mô, tiến cúng bảo vật khiến chùa ngày càng trở nên tráng lệ hơn.

Cuối thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII, các chúa Nguyễn đã mời một số cao tăng từ Trung Quốc cùng những danh tăng từ các xứ về giảng kinh và làm trụ trì khiến cho chùa Thiên Mụ ngày càng thêm nổi tiếng. Vẻ đẹp ngôi chùa được tôn thêm nhờ cảnh sắc trời nước nơi tọa lạc cùng những công trình nguy nga mang phong cách kiến trúc cung đình. Sau lần đại trùng tu dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1692 - 1725), trong khuôn viên chùa đã có *điện Thiên vương, điện Ngọc Hoàng, điện Đại Hùng, nhà Thuyết pháp, lầu Tàng kinh, điện Thập Vương, điện Đại Bi, điện Dược Sư, lầu Chuông, lầu Trống, nhà Vân Thủy, nhà Trai, nhà Thiền, nhà Phương Trượng, vườn Côn Đa...* Một số bảo vật còn tồn tại đến nay như Đại Hồng Chung (đúc năm 1710), tấm bia và rùa đội bia đá (1714) đều của thời kỳ này. Nhưng những năm tháng chiến tranh liên miên hồi cuối thế kỷ XVIII đã tiêu hủy hầu hết các công trình kiến trúc. Chỉ đến năm 1815, vua Gia Long mới cho xây dựng chùa Thiên Mụ với gần như đầy đủ các kiến trúc vốn có: điện Đại Hùng, điện Di Lạc, điện Quan Âm, điện Thập Vương, hai nhà Lôi Gia, lầu Chuông, lầu Trống, Tam Quan, các nhà lục giác bao che các bảo vật Đại Hồng Chung, tấm bia đá có rùa đội bia... Các vua tiếp nối như Minh Mạng, Thiệu Trị, Khải Định... đều tu bổ, tôn tạo thêm cho chùa. Hai công trình nổi tiếng là tháp Phước Duyên và đình Hương Nguyên đều được xây cất trong thời vua Thiệu Trị (1841 - 1847). Tháp Phước Duyên còn hiện hữu, đình Hương Nguyên đã bị sụp đổ trong trận bão lớn năm Thìn (1904), sau được dời ra dựng lại trên nền điện Di Lạc.

Khi Việt Nam bị thực dân Pháp đô hộ, chính quyền phong kiến suy yếu không còn đủ sức cai quản chùa. Những năm tháng chiến tranh liên miên tiếp theo khiến chùa càng thêm hư hại. Vào những năm 1957 - 1959, hòa thượng Thích Đôn Hậu đã tiến hành trùng tu lớn. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế - xã hội lúc ấy rất hạn chế nên nhiều công trình không phục hồi được như cũ. Đặc biệt, điện Đại Hùng - công trình chính của chùa, đã phải dùng bê tông cốt thép và gạch đá thay cho bộ khung kết cấu gỗ, khiến chùa mất đi một phần giá trị vốn có. Khi Hòa thượng Đôn Hậu viên tịch vào năm 1992, một ngôi tháp bảy tầng đã được dựng lên tại phần sau khuôn viên để làm nơi an táng của Ngài. Hoàn cảnh khó khăn còn kéo dài cho đến trước ngày Dự án được thực hiện, khiến cho một danh thắng nổi tiếng không thể hiện được tầm vóc tương xứng mà nó đã từng có trong lịch sử.

Qua 400 năm tồn tại, chùa Thiên Mụ, tháp Phước Duyên đã trở thành biểu tượng của vùng đất cố đô, là hình bóng của quê hương xứ Huế như sông Hương, núi Ngự.

Chùa Thiên Mụ đã từng được vua Thiệu Trị xếp vào một trong “Thần kinh nhị thập cảnh” (20 thắng cảnh của Kinh đô Huế), cũng là một di tích kiến trúc nghệ thuật đặc sắc và giàu giá trị lịch sử. Ngày nay di tích này đang thu hút đông đảo du khách từ thập phương tới chiêm ngưỡng và tìm hiểu chùa, thu hút đông đảo tăng ni phật tử đến lễ bái, học đạo. Ngày 11 tháng 12 năm 1993, cùng với các di tích kiến trúc cung đình khác của Huế, chùa Thiên Mụ đã được ghi tên vào Danh mục Di sản Thế giới của UNESCO. Ngày 27 tháng 8 năm 1996, chùa lại được công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hóa quốc gia. Điều đó một lần nữa khẳng định giá trị vốn có cũng như sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị của di tích chùa Thiên Mụ. Cũng từ đây, một dự án lớn được khởi động nhằm trùng tu, tôn tạo một công trình mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế này.

Năm 2000, Bộ Văn hóa Thông tin có quyết định số 1503/QĐ - BVHTT chỉ định Viện KHCN Xây dựng là đơn vị lập dự án, thiết kế đầu tư tu bổ di tích chùa Thiên Mụ thuộc Quần thể di tích Cố đô

Huế. Dự án đã được Bộ phê duyệt năm 2001 với tổng kinh phí 14.898.000.000 đồng. Sau đó, vào năm 2003, Bộ Văn hóa Thông tin có quyết định số 1890/QĐ - BVHTT chỉ định đơn vị thi công là Liên danh Viện KHCN Xây dựng - Chi nhánh Công ty Mỹ thuật Trung ương tại thành phố Huế thực hiện gói thầu xây lắp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thực hiện gói thầu phòng chống mối mọt và bảo quản gỗ.



Trùng tu tháp Phước Duyên

Các đơn vị thi công đã nhanh chóng triển khai dự án, đơn vị tư vấn khẩn trương giải quyết các vấn đề kỹ thuật nảy sinh. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện đã phát sinh một số thay đổi về thiết kế, đặc biệt là kiến nghị từ phía chùa xin phục hồi điện Đại Hùng bằng vật liệu gỗ truyền thống. Đáp ứng nguyện vọng của tăng ni phật tử cả nước, thể theo đề nghị của các cơ quan quản lý ở tỉnh Thừa Thiên Huế, Chính phủ nước Việt Nam với đại diện là Bộ Văn hóa Thông tin đã nhanh chóng phê duyệt bổ sung điều chỉnh Dự án tu bổ bảo tồn và tôn tạo tổng thể chùa Thiên Mụ.

Các đơn vị thi công, Ban quản lý dự án đã khắc phục mọi khó khăn về kỹ thuật, thời tiết và vốn để triển khai công trình. Với sự quan tâm giúp đỡ của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (Bộ Văn hóa Thông tin trước đây), Đảng bộ và chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế, chủ đầu tư và với sự hợp tác của chùa Thiên Mụ, công trình đã hoàn thành tốt đẹp vào tháng 12/2007. Các hạng mục đã đáp ứng được các yêu cầu của Dự án và các bên quan tâm.

Công nghệ trùng tu, bảo tồn truyền thống phù hợp với điều kiện khí hậu miền Trung, đặt biệt là khu vực Thừa Thiên – Huế, đã được áp dụng một cách tối đa, kết hợp với các công nghệ thích ứng hiện đại do Viện KHCN Xây dựng nghiên cứu và phát triển được trong nhiều năm qua để bảo tồn tối đa các giá trị gốc, giá trị chân xác mà ngôi chùa vốn có trong lịch sử tồn tại của mình.

Điện Đại Hùng

Toàn bộ điện được tu bổ, loại bỏ nền xi măng và lát lại nền gạch gốm, làm lại mái, gia cố căn chỉnh móng. Riêng chính điện được phục chế bằng gỗ kiên kiên thay cho kết cấu bê tông cốt thép. Các viên ngói liệt cũ được sử dụng lại trên công trình cùng với ngói mới. Thực hiện công tác phòng mối mọt, gia cường chống gió bão, làm hệ thống chống sét và chiếu sáng bên trong, làm lớp ngăn ẩm nền... Loại bỏ các lớp sơn công nghiệp và phục hồi các lớp sơn truyền thống. Toàn bộ các bích họa trên cổ diềm được bảo tồn (hạ giải từng đoạn tường có tranh, bảo quản giữ màu, chống mốc và lắp dựng trở lại). Phục hồi màu sắc và các trang trí như nguyên gốc.

Điện Địa Tạng, điện Quan Âm

Nằm sau điện Đại Hùng, vốn là điện Di Lặc, nhưng bị đã sập năm 1904. Trên nền cũ đã dựng lại đình Hương Nguyễn (dời từ phía trước về sau khi bị bão làm đổ). Toàn bộ công trình được tu bổ bảo tồn từ móng đến mái; trang bị hệ thống điện, bảo quản chống mối... Đặc biệt tại đây có các bài thơ chạm thép vàng trên hệ thống liên ba. Trong lần trùng tu 1957 - 1959, một số liên ba đã bị lắp sai vị

trí. Với sự nghiên cứu công phu, Phòng Nghiên cứu Khoa học & Hướng dẫn của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã phát hiện ra các sai sót trên và hướng dẫn đơn vị thi công điều chỉnh.

Điện Quan Âm ở sau điện Địa Tạng cũng được tu bổ toàn diện như điện Địa Tạng.

Tháp Phước Duyên

Tòa tháp hình bát giác 7 tầng, cao trên 23m, xây bằng gạch vồ, vữa vôi. Toàn tháp có các vòng sắt lẫn trong vữa đỡ các vòm trần và các ô cửa sổ. Bên ngoài có các lan can giả bằng gạch hoa men lưu ly ốp tường; nóc tháp có Hồ lô và trên các mái có các con giao bằng pháp lam. Đến thời điểm tu bổ tháp đã bị hư hại nặng: mái nứt gây thấm dột, các thanh sắt đỡ vòm nứt mục làm thành hệ thống nứt lớn trong khối xây, nhiều vết nứt xuyên tường, nước mưa thấm vào làm mục gạch, vữa. Gạch hoa mất nhiều bộ phận, đã bị sửa chữa không đúng nguyên gốc. Toàn bộ tháp đã được vệ sinh khoa học để loại bỏ rêu mốc, được hoàn trả màu sắc hài hòa bằng cách chắm màu, bảo quản chống ẩm tường. Hệ thống khe nứt được bơm keo và vữa để toàn khối hóa. Các thanh sắt được chống rỉ; 178 thanh (chiều dài trung bình 1,0-2,5m) được thay bằng thép không rỉ. Đã tìm lại quy luật phân bố gạch men hoa văn và phục hồi hệ thống lan can giả. Chống tháp mái tháp, phục hồi Hồ lô và các con giao pháp lam, bố trí hệ chống sét.

Sân đường

Hệ thống sân đường của chùa vốn lát bằng gạch Bát Tràng đã xuống cấp. Phục hồi bằng gạch Bát Tràng, vữa vôi truyền thống. Bố trí thêm hệ thống thoát nước tuyến đi và quanh sân.

Hai nhà Lôi gia

Hai nhà ở vào phía sau tường ngang phía trước, là nơi thờ các vị Hộ Pháp. Các cấu kiện gỗ được tu bổ, thay nền xi măng bằng gạch Bát Tràng, phục hồi vữa trát và màu tường, phục hồi mái ngói liệt, phục hồi sơn truyền thống, lắp điện chiếu sáng, lát hè.

Lầu Chuông, lầu Trống

Đây là 2 công trình nằm hai bên cổng Tam Quan, dùng để đặt chuông và trống. Chuông là bảo vật có từ thời Gia Long. Đã phục hồi kết cấu mái, màu tường, nền gạch bát, giá chuông, giá trống, lắp điện chiếu sáng.

Tam Quan

Là công chính, cấu trúc hai tầng tám mái, tường gạch, sàn và dàn trò bằng gỗ; có 3 lối đi, mỗi lối có cửa ván 2 cánh bằng gỗ được bó bằng đai và đỉnh đồng; hai bên các lối đi có tượng Hộ Pháp trấn giữ. Nguyên xưa có các hình vẽ trang trí trên tường, mái. Trong quá trình tu bổ đã tiến hành bóc tách các lớp vôi màu (5 - 7 lớp) và phát hiện ra bên dưới các lớp vôi có hình vẽ trang trí. Nguyên do vào đợt trùng tu 1957-1959, để bảo đảm tính Phật giáo thuần túy trong chùa, thoát ly ảnh hưởng của Nho giáo, nhà chùa đã quét vôi phủ lên tranh và yêu cầu giữ gìn nguyên tắc tu hành cho chùa (tức là không bóc lộ các bức tranh). Để tu bổ bảo tồn các bức họa đồng thời đáp ứng yêu cầu tăng ni Phật tử, đơn vị tư vấn đã nhanh chóng nghiên cứu quy trình kỹ thuật thực hiện yêu cầu đó. Đã thận trọng bóc tách các lớp vôi để bóc lộ tranh vẽ; tu bổ tranh theo kỹ thuật phục chế, dùng hóa chất bảo quản chống dính và giữ màu; sau đó bồi giấy bản và trên đó mới dùng vôi màu.

Lầu Lục giác, Tứ giác phía trước

Là các công trình che các văn vật gốc: các bia đá khắc bi ký của vua Thiệu Trị, bia đá và rùa đội bia đá thờ chúa Nguyễn Phúc Chu, Đại Hồng Chung cùng thời. Các công trình này đều kết cấu gạch đá, trên nhà Lục Giác phía Đông còn một số họa tiết trang trí và bức họa cổ diêm. Đã thực hiện căn chỉnh cân đối bia đá, phục hồi nền đá, chống nứt cho tường, phục hồi màu sắc, hoa văn một cách hài hòa bằng thủ pháp chắm màu đa sắc.

Trụ biểu, lan can và hoa văn

Bốn trụ hoa biểu phía trước là kết cấu gạch, có gắn gạch hoa văn men, khảm chữ mảnh sứ cổ. Các đoạn lan can (hai đoạn dài bên trên, hai đoạn ngắn bên dưới) bằng gạch hoa tráng men đã bị mất nhiều, sửa chữa sai từ trước, các chân là tường kê bằng đá học. Trong quá trình tu bổ đã thực hiện gia cố chân tường (xây phục hồi, bơm vữa), tìm quy luật phân bố gạch hoa, phục hồi các đoạn lan can đã mất, căn chỉnh cân bằng các đoạn bị nghiêng lún. Đối với các trụ biểu: vệ sinh rêu mốc, trám vá các vùng vữa bong rạn, gắn vá các chữ bằng gốm cổ, phục hồi màu sắc và các viên gạch hoa văn ốp trang trí, bảo quản chống mốc.

Các cổng phụ

Chùa có 5 cổng phụ: 2 cổng phía trước (hai bên Tam Quan), 1 cổng ở bên hông hướng Tây, 2 cổng ở tường phía đông. Các cổng xây bằng gạch, cánh bằng gỗ ván ghép. Cổng đều bị nứt xuyên đỉnh, bong vữa, rơi rụng gạch hoa trang trí, nhiều chỗ sứt vỡ, mất gạch. Riêng cổng phía Tây mặt trước bị nứt đôi, một nửa ngoài phía đường đã nghiêng do lún nền (xây đá học). Đã tiến hành gia cường kết cấu chống nứt (cài neo thép, bơm vữa nở gia cố móng đá, thân công), xây vá phục hồi, trám và chổ vữa

bong rưng, phục hồi màu hài hòa cũ – mới bằng biện pháp chấm màu đa sắc, gắn lại các viên gạch hoa văn men, làm lại các cánh cổng...



Chùa Thiên Mụ trong lễ khánh thành (12/2007)

Tường kè, tường ngang và La thành

Được kiến tạo từ thời Gia Long. Tường kè nhằm giữ đất sườn đồi không cho sạt lở, cấu tạo gồm 2 cấp xây đá học, đã bị sạt gần hết. Tường ngang chỉ có ở phía trước, có nhiều đoạn nguyên gốc, vữa bong tróc, có chỗ đổ đã được vữa tạm bằng vữa xi măng. La thành bằng đá học bazan, xây vữa truyền thống, song đã đổ nhiều chỗ, rộng ruột. Đã phục hồi các tường, kè, thành bằng vật liệu truyền thống, bố trí hệ thống giảm áp lực chống xô ngang. Để chống sạt lở tại sườn đồi dốc đã bố trí 2 hàng cọc cừ ken dày sâu 4 - 6m bằng bê tông cốt thép, thi công khoan nhồi. Tường ngang được phục hồi áo vữa bằng thủ pháp lồng màu nhằm tạo cảm giác không mới nhưng hài hòa với các kiến trúc bên cạnh.

Hệ thống kỹ thuật hạ tầng

* *Nhà vệ sinh*: trước đây chùa chỉ có một khu vệ sinh nhỏ, không tiện nghi cho khách tham quan. Dự án được bổ sung vào giai đoạn 2 với một khu vệ sinh hoàn chỉnh.

* *Hệ thống cấp nước*: chùa vốn có hệ cấp nước thành phố cũ, tưới cây cỏ bằng nước sông, không có nơi trữ nước cứu cháy. Trong dự án đã bố trí đường ống cấp, bể chứa, trạm bơm với áp lực đủ mạnh để hỗ trợ cứu cháy khi cần thiết. Có hệ thống vòi phục vụ việc tưới cây.

* *Hệ thống thoát nước*: trước đây hầu như chỉ thoát nước tự do, nay đã bố trí hệ thoát nước (rãnh, cống ngầm, hồ ga...) dọc theo la thành, dọc theo đường đi và quanh các sân. Đảm bảo điều kiện sử dụng mặt bằng tốt hơn, tránh ảnh hưởng tới kết cấu và nền móng công trình.

* *Hệ thống điện*: ngoài điện nội thất, còn bố trí các đèn chiếu sáng các vị trí cần cho nhu cầu hoạt động về đêm, đèn phục vụ công tác bảo vệ.

* *Hệ thống chống sét*: chùa nằm trên đồi cao, địa hình trống trải, nền đất bất lợi cho việc thoát sét. Năm 1900, chùa đã bị sét đánh làm hư hại nặng một số công trình, nhất là tháp Phước Duyên. Phía nhà chùa yêu cầu hệ chống sét đơn giản, không ảnh hưởng đến diện mạo kiến trúc công trình. Đơn vị thiết kế, thi công đã cố gắng đáp ứng yêu cầu đó cũng như yêu cầu của tiêu chuẩn chống sét: một phần kim thu bằng đồng dẫu trong Thiên hồ trên đỉnh tháp Phước Duyên, hệ dây thoát bằng đồng được nối với hệ cọc cừ chôn sâu, cải tạo chất đất ở các vị trí điện trở lớn...

* *Hệ thống phòng cháy - chữa cháy*: bố trí các đầu cảm nhận và phát tín hiệu báo cháy, hệ thống đường ống nước và bơm công suất lớn, có thể bơm trực tiếp từ sông Hương lên công trình.

* *Hệ thống phòng mối và bảo quản gỗ*: các ô móng, toàn bộ mặt gỗ được quét thuốc phòng mối mọt; toàn bộ mặt nền được rải thuốc chống mối, quanh chân các cột, vách, quanh nhà được tạo hàng rào thuốc cản mối.

Khởi công tháng 9 năm 2003, đến tháng 12/2007 với sự nỗ lực của các đơn vị tham gia, Dự án đã hoàn tất. Tham gia thực hiện Dự án có Viện KHCN Xây dựng (Tư vấn khảo sát lập dự án, thiết kế); Viện Nghiên cứu Kiến trúc, Viện Kinh tế Xây dựng (Bộ Xây dựng), Viện Bảo tồn Di tích (Bộ Văn hóa Thông tin), Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế (Tư vấn thẩm tra dự án, thiết kế, tổng dự toán); Phân Viện KHCN Xây dựng Miền Trung (Viện KHCN Xây dựng), Viện Khoa học Lâm Nghiệp Việt Nam, Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Nhật Linh (thi công); và Ban QLDA Trùng tu Di tích Cố đô Huế, các Phòng Nghiên cứu Khoa học & Hướng dẫn, Phòng Kỹ thuật, Phòng Hóa nghiệm bảo quản của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (tư vấn giám sát thi công và quản lý).

Tham gia vào dự án còn có nhiều nhà khoa học của tỉnh Thừa Thiên Huế và của Bộ Văn hóa Thông tin, các nghệ nhân và đội thợ mộc truyền thống của Thừa Thiên Huế, Hà Nam, Hải Dương, Bắc Ninh, các đội thợ nề ngỗ của Huế, Nam Định, Quảng Trị, các đội thợ sơn thếp của Hà Tây, Huế... cùng nhiều tổ thợ kỹ thuật khác của Viện KHCN Xây dựng.

Nét đặc biệt của dự án này chính là ở chỗ, dự án không chỉ quan tâm tới việc trùng tu bảo tồn kiến trúc ngôi chùa mà còn quan tâm tới việc thờ phụng Phật pháp ổn định, lâu dài cho các Phật tử. Vì thế, nhà chùa đã xây dựng được nhà tăng (nơi ở của tăng ni), trong khu chùa có khu phục vụ như nhà ăn, hệ thống kỹ thuật hạ tầng bảo đảm cho sinh hoạt bao gồm các hệ thống cấp, thoát nước, điện, nhà vệ sinh,.. Khu vực chùa đã có quy hoạch ổn định lâu dài được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Với việc đầu tư nguồn kinh phí lớn và thời gian dài (khoảng 27 tỷ VNĐ) của Chính phủ và Nhà nước Việt Nam, Dự án đã phục hồi được một kiến trúc tôn giáo cổ nhất và đẹp nhất xứ Huế với dày lịch sử trên 400 năm, có giá trị tín ngưỡng đặt biệt quan trọng trong sự phát triển nền Phật giáo miền Trung nói riêng và Việt Nam nói chung. Điều này cũng thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta tới sự tự do tôn giáo và tín ngưỡng của đồng bào Thừa Thiên – Huế và của cả nước. Việc tu bổ tổng thể góp phần làm cho ngôi chùa trường tồn với thời gian để tiếng chuông Thiên Mụ mãi ngân vang trong lòng Phật tử, tăng ni, đồng bào và du khách khắp mọi miền./.